

XÂY DỰNG NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thành Trung

Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Xây dựng nguồn lực con người là việc chủ thể xây dựng nguồn lực con người không chỉ với các cách thức, biện pháp để làm gia tăng cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực hiện có, mà còn tạo lập các cơ hội cho việc thúc đẩy quá trình tự phát triển của nguồn lực con người (NLCN). Xây dựng NLCN nói chung và NLCN trong hoạt động quản lý khoa học (QLKH), hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) nói riêng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nền khoa học và công nghệ (KH&CN) của mỗi quốc gia, cũng như đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Bài viết tập trung làm rõ khái niệm xây dựng NLCN; chủ thể và khách thể xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và hoạt động NCKH; từ đó đưa ra nội dung và phương thức cơ bản xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và hoạt động NCKH ở Việt Nam.

Từ khóa: Nguồn lực con người; Quản lý khoa học; Nghiên cứu khoa học.

Mã số: 14092001

1. Mở đầu

Từ thực tiễn xây dựng và phát triển KH&CN ở Việt Nam cho thấy: tư duy và nhận thức về vai trò của đội ngũ cán bộ làm công tác QLKH và NCKH, về quan điểm chỉ đạo và chủ trương phát triển đội ngũ này được khẳng định và cụ thể hóa trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng về phát triển KH&CN ngay từ những thập niên cuối của Thế kỷ XX và đầu Thế kỷ XXI. Tuy nhiên, thực tế tại một số bộ, ngành và địa phương cho thấy, việc buông lỏng trong công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ làm công tác QLKH và NCKH đã và đang diễn ra làm cản trở việc thực hiện những chính sách phát triển KH&CN. Từ thực tiễn thiếu và hẫng hụt đội ngũ cán bộ QLKH và NCKH giỏi, đầu đàn, có đủ năng lực tham gia giải quyết những vấn đề khoa học lớn của đất nước; khoảng cách năng lực giữa các thế hệ đang đặt ra, trở thành vấn đề bức thiết cần được nghiên cứu và có giải pháp khắc phục.

2. Khái niệm xây dựng nguồn lực con người

Quan điểm xây dựng NLCN được hiểu là việc chủ thể xây dựng NLCN không chỉ với các cách thức và biện pháp để làm gia tăng cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực hiện có, mà còn tạo lập các cơ hội cho việc thúc đẩy quá trình tự phát triển của NLCN đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Liên quan đến nội dung về xây dựng NLCN trên phương diện lý luận, cũng như trong thực tiễn có những cách hiểu chưa hoàn toàn thống nhất. Sự không thống nhất về nội dung của khái niệm xây dựng NLCN là do mục đích và cách tiếp cận khác nhau của từng cá nhân, từng tổ chức cụ thể. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho rằng, xây dựng NLCN bao hàm không chỉ là sự chiếm lĩnh trình độ lành nghề hoặc vấn đề đào tạo nói chung, mà còn là sự phát triển năng lực và sử dụng năng lực đó vào việc làm có hiệu quả, cũng như thỏa mãn nghề nghiệp và cuộc sống cá nhân [9]. Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) cho rằng, xây dựng NLCN là trao quyền cho người dân bằng cách tăng cường giáo dục, bồi dưỡng năng lực, nâng cao khả năng của họ để cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân, của gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội [10].

Trong các nghiên cứu về con người và nguồn nhân lực ở Việt Nam, đáng chú ý với quan điểm của Hồ Sỹ Quý cho rằng, xây dựng NLCN là việc đào tạo, rèn luyện nhằm phát triển nhân cách cũng như năng lực tiềm ẩn của con người để trở thành người có ích, hạnh phúc trong cuộc sống; là việc tạo ra những cơ hội và đưa ra những chỉ dẫn, phương pháp để người dân cả nước nắm bắt được các cơ hội giáo dục và đào tạo nhằm đưa ra những quyết định thích hợp nhất cho nhu cầu của quốc gia, cải tiến đời sống người dân [4, tr. 41].

Kế thừa các quan điểm về xây dựng NLCN nêu trên, bài viết nêu ra các nội dung về xây dựng NLCN, bao gồm:

Một là, xây dựng NLCN thông qua đào tạo, bồi dưỡng. Đào tạo, bồi dưỡng là một trong các phương thức để con người tiếp nhận tri thức về sự vật, hiện tượng trong thế giới (tự nhiên, xã hội và tư duy), là hoạt động cung cấp và truyền đạt tri thức, kinh nghiệm giữa các thế hệ trong xã hội theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện truyền tin. Cùng với sự phát triển của nhân loại, lượng tri thức của con người về thế giới ngày càng phong phú và đa dạng. Ngày nay, mặc dù quá trình tiếp thu, chuyển giao tri thức giữa các thế hệ được mở rộng nhờ có sự trợ giúp tích cực của công nghệ và thiết bị kỹ thuật hiện đại, song lượng tri thức mà con người tiếp nhận được từ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và giáo dục chỉ chiếm một phần trong tổng số tri thức của con người có được, phần tri thức còn lại chính là từ rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn. Lý giải cho vấn đề này, từ hạn chế về hoạt động thực tiễn của người học, nên tri thức mà con người tiếp

nhận được ở giai đoạn này có đặc điểm mang nặng tính lý thuyết (lý thuyết nhiều hơn thực hành); mặt khác, xuất phát điểm của quá trình nhận thức của người tham gia đào tạo và bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết, nhu cầu bổ sung tri thức khoa học. Như vậy, tri thức con người tiếp nhận được ở giai đoạn này chỉ là tri thức cơ sở, nền tảng để con người áp dụng vào hoạt động thực tiễn lao động sản xuất.

Hai là, xây dựng NLCN qua thông qua hoạt động thực tiễn. Khi tham gia vào quá trình lao động sản xuất, hoạt động của con người gắn liền với thực tiễn đời sống phát triển kinh tế - xã hội. Khi đó, thực tiễn chính là xuất phát điểm của quá trình nhận thức. Ở giai đoạn này, thực tiễn đặt ra nhu cầu nhận thức mới, nhu cầu bổ sung tri thức, nâng cao năng lực để quay trở lại giải quyết vấn đề của thực tiễn đặt ra.

C. Mác viết: "Kết hợp lao động sản xuất với trí dục và thể dục đối với tất cả những trẻ em trên một lứa tuổi nào đây, coi đó không chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội mà còn là phương pháp duy nhất để sản xuất ra con người phát triển toàn diện" [3, tr.688].

Như vậy, xây dựng NLCN trong tư tưởng của C. Mác có cơ sở từ hoạt động thực tiễn. Hoạt động thực tiễn của con người ngày càng mở rộng do năng lực hoạt động của con người luôn thay đổi theo hướng được nâng lên. Năng lực hoạt động của con người là kết quả của quá trình nhận thức, do nhu cầu giải quyết vấn đề mà thực tiễn đặt ra. Đây là quan hệ tác động qua lại, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Cứ như vậy, quá trình thay đổi này liên tục diễn ra và lặp đi lặp lại, kết quả là năng lực của con người ngày càng hoàn thiện và phát triển.

Ba là, xây dựng NLCN thông qua việc mở rộng cơ hội lựa chọn để giải phóng sức sáng tạo. "Sự phát triển của con người là sự phát triển năng lực. Phát triển con người được coi là quá trình mở rộng sự lựa chọn của con người. Sự lựa chọn của con người chỉ xảy ra khi có sự xuất hiện của cơ hội lựa chọn và sự hiện diện của năng lực lựa chọn ở con người. Sự xuất hiện của cơ hội lựa chọn một phần phụ thuộc vào thể chế xã hội có cởi mở hay không, vào năng lực cộng đồng có thể tạo điều kiện cho sự xuất hiện cơ hội hay không; nhìn chung sự xuất hiện của cơ hội cũng thể hiện năng lực của xã hội nơi con người sống và hoạt động và năng lực này là tổ hợp các năng lực của những con người sống trong cộng đồng xã hội đó, thậm chí những con người sống trước đó" (theo Phạm Thành Nghị, [5]) Việc mở rộng cơ hội lựa chọn cho con người cũng chính là tạo động lực để con người chủ động tham gia vào quá trình xây dựng chính mình để phát triển năng lực của bản thân. Chỉ có như vậy, con người mới phát huy năng lực, sức sáng tạo của mình trong các hoạt động thực tiễn nói chung, trong hoạt động QLKH và NCKH nói riêng - một lĩnh vực đòi hỏi tư duy sáng tạo rất cao.

3. Chủ thể và khách thể xây dựng nguồn lực con người trong hoạt động quản lý khoa học và hoạt động nghiên cứu khoa học

Theo Từ điển triết học: "Chủ thể là con người hoạt động tích cực, có nhận thức, có ý thức và ý chí; còn khách thể là cái mà hoạt động nhận thức và hoạt động khác của chủ thể hướng vào đó. Chủ thể và khách thể được xem xét trong những mối quan hệ cụ thể; mỗi quan hệ giữa chủ thể và khách thể có thể chuyển hóa lẫn nhau, trong mỗi quan hệ này thì nó là chủ thể, trong mỗi quan hệ khác nó trở thành khách thể và ngược lại" [8, tr. 92-93]. Như vậy, khi xác định chủ thể, khách thể của xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH cần xem xét trong những mối quan hệ cụ thể. Mỗi chủ thể lại có những khách thể tương ứng và tùy thuộc vào cấp độ, phạm vi và quy mô của NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH có các chủ thể khác nhau.

Xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NLCN trong hoạt động NCKH đòi hỏi sự tham gia của các chủ thể trong toàn xã hội, có thể là trực tiếp hay gián tiếp, có thể ít hoặc nhiều, tùy thuộc vào vị thế, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể trong xã hội. Ở Việt Nam, chủ thể xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH có thể phân chia thành ba nhóm cơ bản, đó là: Nhóm chủ thể thứ nhất là các tổ chức ở cấp vĩ mô, như Đảng, Nhà nước; Nhóm chủ thể thứ hai là các tổ chức sử dụng NLCN, như các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; Nhóm chủ thể thứ ba là chính các cá nhân thuộc hệ thống NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH.

Tương ứng ở mỗi cấp độ, gắn với từng chủ thể xây dựng NLCN là các khách thể tương ứng. Nếu xét ở cấp độ vĩ mô, trong mỗi quan hệ với chủ thể xây dựng NLCN là Nhà nước thì tổ chức sử dụng NLCN trở thành khách thể của hoạt động xây dựng NLCN. Nếu xét ở cấp độ vi mô, trong mỗi quan hệ với người làm công tác QLKH, cũng như người làm công tác NCKH, khi đó, tổ chức sử dụng NLCN là trở thành chủ thể xây dựng NLCN. Như vậy, trong thực tiễn, việc phân định chủ thể và khách thể xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH có tính chất tương đối, gắn với từng mối quan hệ cụ thể. Việc phân định này có ý nghĩa về mặt lý luận, để xác định đúng nhiệm vụ theo chức năng của từng tổ chức trong hệ thống các cơ quan tham gia vào hoạt động KH&CN nói chung, hoạt động xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH nói riêng.

Để hiểu rõ hơn về mối quan hệ này, bài viết xin đề cập đến một số chủ thể và các khách thể xây dựng NLCN tương ứng của nó:

- Đảng là tổ chức chính trị có vai trò lãnh đạo Nhà nước. Với vai trò là chủ thể tham gia xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH, thông qua các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, Đảng ban hành đường lối, chủ trương, quan điểm về phát triển NLCN. Thông qua đó, Nhà nước tiếp nhận, thể chế hóa bằng pháp luật và những chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương

trình cụ thể;

- Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có quyền lập ra hiến pháp và luật pháp, quyết định các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Với vai trò là chủ thể tham gia xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH, Quốc hội cụ thể hoá đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về phát triển NLCN bằng pháp luật; phê chuẩn các nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có nhiệm vụ mang tính trực tiếp hoặc gián tiếp đến xây dựng NLCN do Chính phủ trình;
- Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất, thống nhất quản lý và phát triển hoạt động KH&CN; chỉ đạo thực hiện chính sách, kế hoạch phát triển KH&CN; thống nhất quản lý các tổ chức KH&CN và phát triển công nghệ... Với vai trò là chủ thể tham gia xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH, Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong việc xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH do Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành và địa phương có liên quan trình lên.

Ở cấp độ vĩ mô này, tương ứng với các chủ thể xây dựng NLCN đã nêu (Đảng, Quốc hội, Chính phủ), khách thể xây dựng NLCN là toàn bộ những người làm công tác QLKH trong hệ thống cơ quan nhà nước, trong hệ thống các cơ quan của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm, cả những người làm công tác QLKH tại Bộ KH&CN) và những người làm công tác NCKH trong các tổ chức KH&CN trên phạm vi cả nước.

Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng QLKH. Với vai trò là chủ thể tham gia xây dựng NLCN trong hoạt động KH&CN, Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới các tổ chức KH&CN và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành; là cơ quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về đào tạo, sử dụng, trọng dụng cán bộ KH&CN; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực KH&CN và hỗ trợ phát triển các lực lượng hoạt động KH&CN.

Trong mối quan hệ với chủ thể xây dựng NLCN là Bộ KH&CN, khách thể xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH không chỉ là những người làm công tác QLKH trong hệ thống cơ quan nhà nước ở các bộ, ngành và địa phương, những người làm công tác NCKH trong các tổ chức KH&CN trên phạm vi cả nước, còn bao gồm cả hệ thống các cơ quan nhà nước và cơ quan đảng có vai trò đưa ra chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động quản lý và NCKH; các cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ QLKH, hoạt động trong lĩnh vực NCKH.

4. Nội dung và phương thức xây dựng nguồn lực con người trong hoạt động quản lý khoa học và hoạt động nghiên cứu khoa học

Quan điểm của Đảng về xây dựng con người trong giai đoạn hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, đó là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Trong lĩnh vực hoạt động KH&CN, Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về sử dụng và trọng dụng đội ngũ cán bộ KH&CN, cụ thể là: Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ QLKH và công nghệ ở các ngành, các cấp. Có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ KH&CN đầu ngành, cán bộ KH&CN được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ KH&CN trẻ tài năng. Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN,...

Từ những quan điểm định hướng của Đảng về xây dựng con người trong giai đoạn hiện nay, gắn với việc xây dựng NLCN theo ba nội dung như đã nêu, chúng ta cần cụ thể hóa và thống nhất về tư tưởng, đường lối của Đảng về xây dựng con người và NLCN trong các nghị quyết của Đảng đã ban hành ở một số điểm chính, đó là:

Thứ nhất, về định hướng xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH:

- "*Hướng đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa*" để xây dựng con người nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của đất nước;
- "*Hướng ra thế giới*" để xây dựng con người hội nhập với sự vận động và phát triển khoa học, công nghệ chung của thế giới;
- "*Hướng tới tương lai*" để xây dựng con người nhằm phát triển nền KH&CN Việt Nam đạt thứ hạng xếp loại cao trong khu vực và đạt thứ hạng xếp trung bình của thế giới trong tương lai gần - dự tính khoảng năm 2030.

Thứ hai, về phương châm, đường lối tổ chức thực hiện xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH:

- "*Thực tiễn hóa*", đây là phương châm thực hiện xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH có phẩm chất, có năng lực trong lao động khoa học không xa rời thực tiễn, lấy thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, lấy sự phát triển của ngành khoa học là tiêu chuẩn, là thước

đo hoạt động KH&CN. Năng lực thực tiễn của các nhà khoa học, nhà quản lý là để giải quyết các vấn đề của cuộc sống phát triển đất nước đặt ra. Có như vậy con người được xây dựng có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích dân tộc trên lợi ích cá nhân để phụng sự cho tổ quốc và cho dân tộc Việt Nam phát triển; nắm vững đường lối và quán triệt thực hiện chủ trương và chính sách của Đảng về xây dựng và phát triển đất nước trong từng thời kỳ. Do vậy, xây dựng nguồn lực con người với phương châm thực tiễn hóa là yêu cầu cao nhất, cần được quán triệt để triển khai thực hiện;

- "Trẻ hóa", đây là phương châm thực hiện xây dựng nguồn lực con người trong hoạt động QLKH và NCKH với mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời gắn với đặc thù của hoạt động KH&CN đòi hỏi năng lực sáng tạo. Khi con người trẻ, đây là giai đoạn con người có tinh thần say mê, nhiệt huyết nhất để đối mặt với những khó khăn và thử thách trong lao động khoa học, đồng thời cũng là giai đoạn con người có sức sáng tạo cao nhất.

Thực hiện phương châm thực tiễn hóa và phương châm trẻ hóa nguồn lực con người trong hoạt động QLKH và NCKH có ý nghĩa vô cùng quan trọng để Việt Nam có được một đội ngũ nhân lực KH&CN có sức sáng tạo cao nhất không xa rời thực tiễn phát triển đất nước;

Thứ ba, phương thức thực hiện nội dung xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH:

Phương thức thực hiện nội dung xây dựng NLCN thông qua đào tạo và bồi dưỡng:

- Xây dựng NLCN thực hiện thông qua các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức KH&CN; ở đó có sự kết hợp giữa đào tạo với NCKH và do các trường phái khoa học, các nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện;
- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tập trung đào tạo nguồn nhân lực QLKH và NCKH gắn với quy hoạch NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH; xây dựng các trường phái khoa học, các nhóm nghiên cứu mạnh;
- Gắn kết các quỹ phát triển KH&CN, doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ kinh phí thực hiện nghiên cứu cho cá nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng;
- Mở rộng phát triển mô hình xã hội học tập, phát triển các hội nghiên cứu quần chúng làm nền tảng cho hoạt động đào tạo và NCKH phát triển, cũng như nâng cao trình độ học vấn của toàn xã hội.

Phương thức thực hiện nội dung xây dựng NLCN thông qua hoạt động thực tiễn:

- Thử thách, rèn luyện người làm công tác QLKH và NCKH trở thành nhiệm vụ thường xuyên, liên tục để nâng cao năng lực thực hiện, giải quyết các vấn đề của thực tiễn hoạt động QLKH và NCKH đặt ra. Xây dựng cơ chế, chính sách thử thách, rèn luyện người làm công tác QLKH và NCKH theo hướng giao nhiệm vụ gắn với việc tạo điều kiện thực hiện là yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực KH&CN hiện nay ở nước ta;
- Hàng năm, cơ quan quản lý và sử dụng nguồn nhân lực trong hoạt động QLKH và NCKH kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng kết quả thực hiện các nhiệm vụ QLKH và NCKH để đánh giá năng lực của người làm công tác QLKH và NCKH.

Phương thức thực hiện nội dung xây dựng NLCN thông qua mở rộng cơ hội, giải phóng sức sáng tạo:

- Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh hệ thống chính sách nhằm phát huy nhân tố con người trong hoạt động QLKH và NCKH. Tạo cơ sở vật chất tương ứng, môi trường lao động sáng tạo cho những người lao động trong lĩnh vực khoa học;
- Xây dựng chính sách và cơ chế hoạt động hợp lý, đồng bộ nhằm phát hiện, sử dụng, phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực khoa học, nhất là trọng dụng các nhà khoa học, chuyên gia có tài năng và tâm huyết;
- Các cơ quan quản lý và sử dụng nhân lực KH&CN xây dựng, tạo lập môi trường thông tin năng động để các nhà khoa học tiếp cận được những kiến thức khoa học mới; có chính sách để các nhà khoa học chủ động phát hiện, đề xuất nhiệm vụ QLKH, nhiệm vụ NCKH sát với thực tiễn; để các nhà khoa học có thể chủ động áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế, đáp ứng nhu cầu cấp bách mà thực tiễn hoạt động QLKH và NCKH đặt ra;
- Chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng của Chính phủ cần có biện pháp nhằm tạo một chuyển biến thật sự mạnh mẽ trong việc khai thác, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực từ chính các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

5. Kết luận

Thực tiễn phát triển của Việt Nam hiện nay đặt ra cho ngành KH&CN: *Phát triển KH&CN thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững*. Để KH&CN trở thành động lực của sự phát triển, chúng ta cần xây dựng được một đội ngũ các nhà khoa học mạnh cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu phân bố hợp lý. Muốn vậy, hoạt động xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH cần được nhận thức đúng và quán triệt thực hiện trong thực tiễn.

Xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH đòi hỏi sự tham gia của các chủ thể trong toàn xã hội, có thể là trực tiếp hay gián tiếp, có thể ít hoặc nhiều, tùy thuộc vào vị thế, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể trong xã hội. Nhiệm vụ của mỗi chủ thể xây dựng NLCN được xác định: *Một là*, xây dựng NLCN thông qua đào tạo, bồi dưỡng; *Hai là*, xây dựng nguồn con người qua thông qua hoạt động thực tiễn; *Ba là*, xây dựng NLCN thông qua việc mở rộng cơ hội lựa chọn để giải phóng sức sáng tạo. Về định hướng xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH ở Việt Nam hiện nay, bài viết nêu ra ba định hướng: hướng đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hướng ra thế giới; hướng tới tương lai. Về phương châm và đường lối xây dựng NLCN được xác định: thực tiễn hóa và trẻ hóa là những tiêu chí để xây dựng con người. Có như vậy, hoạt động xây dựng NLCN trong hoạt động QLKH và NCKH mới có được đội ngũ cán bộ khoa học có sức trẻ, có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích dân tộc trên lợi ích cá nhân để phụng sự cho tổ quốc và cho dân tộc Việt Nam phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen. (2004) *Toàn tập*. Tập 23. H.: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Hồ Sĩ Quý. (2006) *Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu và phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp nhà nước.
5. Phạm Thành Nghị. (2009) *Tiếp cận năng lực trong phát triển con người*. Tạp chí Nghiên cứu con người, số 6(39).
6. Tạ Doãn Trịnh. (2013) *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng chính sách đào tạo, thu hút, sử dụng nhân lực KH&CN trình độ cao ở Việt Nam đến năm 2020*. Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ.
7. Nguyễn Thành Trung. (2014) *Nguồn lực con người trong hoạt động quản lý khoa học: thực trạng và giải pháp phát triển*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 17, tr. 27, Hà Nội.
8. Từ điển Triết học. H.: Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1986.
9. ILO. (2005) *Foreign direct investment spillovers, absorptive capacities and human capital development: evidence from Argentina*.
10. <http://www.un.org/en/development/desa/oesc/humanresources.shtml>